TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN GÒ VẤP** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 121/2018/DS-ST
Ngày: 09/4/2018.
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thành Huế

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Nguyễn Anh Tuấn

2. Bà Trương Thị Hồng Phương

- Thư ký phiên tòa : Bà Nguyễn Thị Phương– Thư ký Tòa án nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hải Huyền– Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 4 năm 2018, tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 511/2017/TLST-DS ngày 05 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 87/2018/QĐXXST- DS ngày 01 tháng 3 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 78/2018/QĐST-DS ngày 23 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần V; có trụ sở tại: Số T đường L, phường L, quận Đ, TP. Hà Nội; địa chỉ liên lạc: Tầng N, số K đường T, phường B, Quận X, TP. Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D– Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

1/ Ông Phan Văn D; địa chỉ: Tầng N, số C đường P, Phường X, quận P, TP. Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền số 4718/2017/UB-VPB ngày 16/10/2017).

2/ Bà Nguyễn Thị H; địa chỉ: Tầng L, số C đường P, Phường X, quận P, TP. Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền số 931/2018/UB-VPB ngày 16/01/2018, thay thế văn bản ủy quyền số 4718/2017/UB-VPB ngày 16/10/2017)

(có mặt).

Bị đơn: Ông Lê Hoàng T; địa chỉ thường trú: Số A đường L, Phường M, quận G, TP.Hồ Chí Minh (vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần V và các lời khai tại Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Ngân hàng thương mại cổ phần V (sau đây được viết tắt là Ngân hàng) có cho ông Lê Hoàng T vay tiền với hình thức tín chấp, phương thức vay trả góp, mục đích vay tiêu dùng. Theo thỏa thuận trong hai Hợp đồng tín dụng (sau đây được viết tắt là Hợp đồng) cụ thể: Hợp đồng tín dụng số 4188076 ngày 10/8/2015 ông T vay ngân hàng số tiền vay là 60.000.000 đồng với mức lãi suất là 28% /năm và thời hạn vay 48 tháng. Đối với Hợp đồng thẻ tín dụng số 325-P-539123 ngày 08/8/2015 với hạn mức vay 10.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận tại thời điểm mở thẻ là 29,88%/năm. Lãi suất quá hạn của hai Hợp đồng trên bằng 150% lãi suất trong hạn, ông T phải thanh toán khoản nợ vay theo kỳ trả nợ được thể hiện chi tiết trong lịch trả nợ. Ngân hàng xác nhận giao dịch theo Hợp đồng tín dụng đang tranh chấp trên là giao dịch giữa Ngân hàng với cá nhân ông T. Vì vậy, Ngân hàng chỉ khởi kiện ông T và không yêu cầu trách nhiệm trả nợ đối với cá nhân nào khác trong vụ kiện này.

Quá trình thực hiện Hợp đồng. Đối với Hợp đồng số 4188076 ngày 10/8/2015 ông T đã trả nợ cho Ngân hàng số tiền 4.214.000 đồng, trong đó trả nợ gốc là 1.380.782 đồng và tiền lãi là 2.833.218 đồng. Kể từ ngày 11/10/2015 cho đến nay ông T không không thực hiện việc trả nợ. Đối với Hợp đồng thẻ số 325-P-539123 ngày 08/8/2015 ông T đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền lãi trong hạn là 500.000 đồng và không thanh toán thêm cho Ngân hàng bất kỳ khoản nợ gốc và lãi nào. Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở cũng như thông báo yêu cầu trả nợ nhưng ông T vẫn không thực hiện. Do ông T vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận trong Hợp đồng nên vào ngày 18/8/2017 Ngân hàng nộp đơn khởi kiện và yêu cầu ông T thanh toán nợ gốc và lãi của hai Hợp đồng tính đến ngày 07/8/2017 với tổng số nợ là 121.217.671 đồng. Trong đó, nợ gốc của Hợp đồng số 4188076 ngày 10/8/2015 là 58.619.218 đồng; nợ gốc của Hợp đồng thẻ số 325-P-539123 ngày 08/8/2015 là 19.816.150 đồng và khoản tiền lãi của hai Hợp đồng là 42.782.303 đồng. Ngoài ra Ngân hàng còn yêu cầu ông T thanh toán lãi phát sinh theo Hợp đồng cho đến khi thanh toán xong nợ. Tại bản khai của ông D và bà H là người đại diện của nguyên đơn cũng như ghi nhận ý kiến của bà H tại biên bản không tiến hành hòa giải được các ngày 16/01/2018 và 09/02/2018 đều thể hiện các khoản nợ vay, tiền lãi và các khoản nợ mà ông T đã thanh toán đúng theo nội dung đơn khởi kiện. Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và biên bản về việc không tiến hành hòa giải được ngày 09/02/2018 và tại phiên tòa bà H đại diện cho Ngân hàng có ý kiến rút lại một phần yêu cầu khởi kiện ông T đối với Hợp đồng thẻ tín dụng số 325-P-539123 ngày 08/8/2015, số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 09/02/2018 là 21.860.300 đồng, trong đó nợ gốc là 10.000.000 đồng và tiền lãi là 11.860.300 đồng. Ngân hàng chỉ yêu cầu ông T

thanh toán khoản nợ gốc và tiền lãi của Hợp đồng tín dụng số 4188076 ngày 10/8/2015 tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 09/4/2018) là 121.034.796 đồng. Trong đó nợ gốc là 58.619.218 đồng và nợ lãi là 62.415.578 đồng (Lãi trong hạn 41.625.295 đồng và lãi quá hạn là 20.790.283 đồng). Thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Yêu cầu ông T tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng 4188076 ngày 10/8/2015 kể từ ngày 10/4/2018 cho đến khi trả dứt khoản nợ gốc này.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án niêm yết hợp lệ các văn bản và giấy triệu tập của Tòa án cho bị đơn là ông Lê Hoàng T tại địa chỉ số 35/401A đường L, Phường 17, quận G, nhưng bị đơn không đến Tòa trong các buổi mời làm việc và vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nên Tòa án không lấy được lời khai của bị đơn cũng như Tòa án không nhận được các tài liệu chứng cứ do bị đơn cung cấp. Tòa án vẫn tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ vào các ngày 16/01/2018 và ngày 09/02/2018 và gửi cho bị đơn thông báo kết quả các phiên họp (Đính kèm theo thông báo là các tài liệu, chứng cứ được công bố tại phiên họp, trừ hồ sơ pháp lý liên quan đến hoạt động của Ngân hàng). Do bị đơn vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được và đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa:

Đại diện nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện bị đơn thanh toán khoản nợ 121.034.796 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 4188076 ngày 10/8/2015. Rút lại yêu cầu khởi kiện bị đơn thanh toán khoản nợ 21.860.300 đồng đối với Hợp đồng thẻ tín dụng số 325-P-539123 ngày 08/8/2015 và bảo lưu các ý kiến đã trình bày trong quá trình làm việc tại Tòa án.

Bị đơn ông Lê Hoàng T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận G phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận G. Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về quan hệ tranh chấp, xác định tư cách tố tụng, thu thập chứng cứ, thủ tục phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cũng như việc gửi Quyết định đưa vụ án ra xét xử và chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nghiên cứu. Về thời hạn chuẩn bị xét xử chưa đúng theo quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự mà không có thời hạn gia hạn thời hạn xét xử.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử vụ án.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70 và 71 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70 và 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung: Căn cứ Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và Điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005, Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ngân hàng thương mại cổ phần V có đơn khởi kiện yêu cầu ông Lê Hoàng T trả khoản nợ là 121.217.671 đồng bao gồm cả nợ gốc và lãi của hai hợp đồng tín dụng số 4188076 ngày 10/8/2015 và hợp đồng thẻ tín dụng số 325-P-539123 ngày 08/8/2015. Đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng, nên căn cứ Khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Căn cứ kết quả xác minh của Công an Phường 17, quận Gò, quận G, TP. Hồ Chí Minh thì ông Lê Hoàng T có hộ khẩu thường trú tại địa chỉ số A đường L, Phường M, quận G, thực tế ông T đã bán nhà đi khỏi địa phương từ năm 2009 và hiện nay không rõ ở đâu. Như vậy, ông T thay đổi nơi cư trú không báo địa chỉ mới cho cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định luật cư trú đã thể hiện nhằm mục đích che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ đối với người khởi kiện. Ngân hàng đã ghi đúng địa chỉ của ông T trong đơn khởi kiện theo địa chỉ trong hợp đồng tín dụng, việc ông T thay đổi nơi cư trú mà không báo cho Ngân hàng biết địa chỉ nơi cư trú mới, cũng được coi là cố tình giấu địa chỉ theo hướng dẫn tại Khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở xác định địa chỉ của bị đơn tại quận G, căn cứ theo quy định tại Điểm a khoản 1 Điều 35, Điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận G, TP. Hồ Chí Minh.

Nguyên đơn xác định tranh chấp khoản nợ vay là giao dịch giữa Ngân hàng với ông T. Do đó Ngân hàng chỉ yêu cầu ông T trả nợ mà không yêu cầu cá nhân nào khác cùng có trách nhiệm trả nợ với ông T là phù hợp với nội dung thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng và phù hợp với quy định của Pháp luật về quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự được quy định tại Khoản 1 Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Ông Lê Hoàng T là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại Điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông Lê Hoàng T.

[3] Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn thanh toán đối với khoản nợ vay và tiền lãi của Hợp đồng tín dụng số 4188076 ngày 10/8/2015 tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 09/4/2018) là 121.034.796 đồng. Trong đó nợ gốc là 58.619.218 đồng và nợ lãi là 62.415.578 đồng (Lãi trong hạn 41.625.295 đồng và lãi quá hạn là 20.790.283 đồng). Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ kiện do nguyên

đơn cung cấp gồm: Hợp đồng tín dụng (Đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng ký ngày 04/8/2015; bản điều khoản và điều kiện dành cho khách hàng vay tiêu dùng ngày 04/8/2015; bản phê duyệt ngày 10/8/2015), bản sao kê chứng minh khoản tiền giao dịch và thanh toán nợ, lịch trả nợ cũng như đối chiếu các văn bản, tài liệu khác của Ngân hàng đủ cơ sở xác định giữa Ngân hàng với ông Lê Hoàng T có ký kết với nhau hợp đồng tín dụng số 4188076 ngày 10/8/2015. Ngân hàng cho ông T vay số tiền là 60.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng (mua xe), lãi suất là 28% /năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Phương thức thanh toán khoản nợ vay theo kỳ trả nợ được thể hiện chi tiết trong lịch trả nợ. Xét nội dung thoả thuận của các bên tại hợp đồng tín dụng nêu trên về khoản nợ vay, lãi suất và trách nhiệm trả nợ phù hợp với quy định tại Điều 471, Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005 và thỏa thuận lãi suất phù hợp với quy định tại Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 "*Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động Ngân hàng của các tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật*" nên đã làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên. Theo chứng cứ nguyên đơn cung cấp, tại bản sao kê tài khoản chứng minh giao dịch và thanh toán của khách hàng và lịch trả nợ theo hợp đồng tín dụng số 4188076 ngày 10/8/2015, thể hiện số tiền ông T vay của Ngân hàng là 60.000.000 đồng và đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 4.214.000 đồng, trong đó trả nợ gốc là 1.380.782 đồng và tiền lãi là 2.833.218 đồng. Kể từ ngày 11/10/2015 ông T không thanh toán nợ cho Ngân hàng theo lịch trả nợ. Do ông T không trả nợ theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng nên Ngân hàng chuyển sang nợ quá hạn toàn bộ khoản nợ vay, thu hồi trước hạn đối với toàn bộ dư nợ còn lại và yêu cầu ông T thực hiện việc nghĩa vụ trả nợ là phù hợp với thỏa thuận trong hợp đồng số 4188076 ngày 10/8/2015. Ông T không đến Tòa, không có lời khai, không cung cấp chứng cứ để xác nhận hoặc phản bác yêu cầu của nguyên đơn. Như vậy, ông T đã từ bỏ các quyền được pháp luật quy định. Theo Khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định: "Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc". Hội đồng xét xử căn cứ hợp đồng tín dụng số 4188076 ngày 10/8/2015, thông báo đòi nợ và các chứng cứ trong hồ sơ vụ kiện do nguyên đơn cung cấp để xác định bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, do đó yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn. Buộc bị đơn phải có trách nhiệm trả cho nguyên đơn toàn bộ khoản nợ gốc là 58.619.218 đồng và nợ lãi tính đến ngày 09/4/2018 là 62.415.578 đồng (Lãi trong hạn là 41.625.295 đồng và lãi quá hạn là 20.790.283 đồng), tổng cộng là 121.034.796 đồng, theo Hợp đồng tín dụng số 4188076 ngày 10/8/2015. Trả làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Kể từ ngày 10/4/2018 ông T phải tiếp tục trả khoản tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 4188076 ngày 10/8/2015 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

[4] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán khoản nợ gốc và lãi của Hợp đồng thẻ tín dụng số 325-P-539123 ngày 08/8/2015 với số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 09/02/2018 là 21.860.300 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ kiện và tại phiên tòa bà H đại diện của nguyên đơn rút lại yêu cầu khởi kiện này đối với

ông T. Xét thấy việc rút yêu cầu của bà H là hoàn toàn tự nguyện, căn cứ Khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này của nguyên đơn. Nếu sau này nguyên đơn có khởi kiện lại và thời hiệu khởi kiện vẫn còn thì sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán khoản nợ 121.034.796 đồng, được Tòa án chấp nhận toàn bộ, nên theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự với mức thu là (5% của giá trị tranh chấp) 6.051.739 đồng.

Ngân hàng thương mại cổ phần V không phải chịu án phí, được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.030.442 đồng (Ba triệu không trăm ba mươi ngàn bốn trăm bốn mươi hai đồng), theo biên lai thu số AA/2017/0027558 ngày 05/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn Khoản 1 Điều 5, Khoản 3 Điều 26, Điểm a khoản 1 điều 35, Điểm a khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 91, Điểm b khoản 2 Điều 227, Khoản 2 Điều 244, Điều 271 và Khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

- Căn cứ Điều 471, Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005 và Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

1. Buộc ông Lê Hoàng T có trách nhiệm trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần V toàn bộ khoản nợ gốc là 58.619.218 đồng và nợ lãi tính đến ngày 09/4/2018 là 62.415.578 (Lãi trong hạn là 41.625.295 đồng và lãi quá hạn là 20.790.283 đồng), tổng cộng là 121.034.796 (Một trăm hai mươi mốt triệu không trăm ba mươi tư ngàn bảy trăm chín mươi sáu) đồng, theo Hợp đồng tín dụng số 4188076 ngày 10/8/2015 (Gồm: Đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng ký ngày 04/8/2015; bản điều khoản và điều kiện dành cho khách hàng vay tiêu dùng ngày 04/8/2015; bản phê duyệt ngày 10/8/2015). Trả làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 10/4/2018 ông Lê Hoàng T phải tiếp tục trả khoản tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 4188076 ngày 10/8/2015 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của Ngân hàng thương mại cổ phần V về việc yêu cầu ông Lê Hg T thanh toán khoản nợ gốc và lãi của Hợp đồng thẻ tín dụng số 325-P-539123 ngày 08/8/2015, tính đến ngày 09/02/2018 là 21.860.300 đồng. Nếu có tranh chấp thì có quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Lê Hoàng T phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 6.051.739 (Sáu triệu không trăm năm mươi mốt ngàn bảy trăm ba mươi chín) đồng.

- Ngân hàng thương mại cổ phần V được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.030.442 đồng (Ba triệu không trăm ba mươi ngàn bốn trăm bốn mươi hai đồng), theo biên lai thu số AA/2017/0027558 ngày 05/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền được thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND quận G;
- Chi cục THADS quận G;
- Lưu VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN –CHỦTỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Lê Thị Thành Huế

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND quận G;
- Chi cục THADS quận G;
- Lưu VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN –CHỦTỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Thành Huế